TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trịnh Ngọc Thành.
Ông Phạm Công Gia.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.
Đại diện VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiển sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim N – sinh năm 1989
Địa chỉ: Ấp 1, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Anh Võ Ngọc T – sinh năm 1981
Địa chỉ: Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/9/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhận: Chị N và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/5/2008.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không lo tu chí làm ăn mà suốt ngày đi chơi với bạn bè

chị góp ý thì anh T không nghe mà còn chứng nào tật đó. Vì vậy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung là Võ Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 08/6/2009, hiện cháu L đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý số 430/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 cho anh T. Anh T đã biết được việc chị N xin ly hôn với anh nhưng không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên anh T không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của chị N (photo) Đơn xin xác nhận (Bản chính), giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính), Giấy khai sinh con chung (Bản sao), Sổ hộ khẩu của chị N (Photo). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 08/10/2019 đối với ông Đặng Văn Thanh, ông Võ Văn Sen. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị N không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh T.

+Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 08/6/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy

định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử nên khi nào các đương sự yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn với anh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và xác định chị N là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[1.2] Anh Võ Ngọc T là bị đơn có nơi cư trú tại Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N và bị đơn anh Võ Ngọc T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị N và anh T được xác lập trên cở sở tự nguyện, được UBND xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/5/2008. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị N yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Chị N yêu cầu ly hôn với lý do do anh T không lo tu chí làm ăn mà suốt ngày đi chơi với bạn bè chị góp ý thì anh T không nghe mà còn chứng nào tật đó. Chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương thì ý kiến của ông Đặng Văn Thanh, ông Võ Văn Sen đã xác định được gia đình chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được chị N, anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Xét, chị N và anh T hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn

không đến tòa làm việc, thể hiện anh T không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh, chị có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung: Võ Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 08/6/2009. Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Từ khi chị N và anh T ly thân, cháu L được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét, ý kiến của chị N là phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Võ Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 08/6/2009 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa làm việc nên không có lời khai của anh T. Để đảm bảo quyền, lợi ích của chị N, anh T, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Võ Ngọc T.

- *Về con chung:* Giao cháu Võ Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 08/6/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị N, anh T có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

2/ *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 008461 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3/ Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Trà Cổ (để ghi vào sổ hộ tịch; số 29/2008, quyển số 01 ngày 20/5/2008);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam